

Cảnh báo song song - Số 5

Vén màn Sự Tử của Chi Phái Giu-đa: Hiểu những cảnh cuối cùng của cuộc đại tranh đấu

Jeff Pippenger

2023-08-08

Trong đoạn mà chúng ta vẫn đang bàn, đoạn bình luận về Đấng Christ như vị thiên sứ trong Khải Huyền chương mười, Đấng giáng xuống, Đấng Christ với tư cách là thiên sứ quyền năng minh họa “vai trò mà Ngài đang đảm nhận trong những cảnh cuối cùng của cuộc đại tranh chiến với Sa-tan.” “Tư thế” mà Đấng Christ giữ khi Ngài đặt chân phải trên biển và chân trái trên đất khô “biểu thị quyền năng và thẩm quyền tối thượng của Ngài trên toàn cõi đất.” Khi Đấng Christ kêu “lớn tiếng,” Ngài “kêu” “như sư tử rống.”

Đấng Christ sẽ bày tỏ tính toàn năng của Ngài trong "những cảnh cuối cùng của cuộc đại tranh chiến", và khi Đấng Christ bày tỏ tính toàn năng của Ngài, Ngài làm như vậy với tư cách là Sự Tử của chi phái Giu-đa.

Đấng Cứu Thế được bày tỏ cho Giảng qua các biểu tượng của 'Sự tử của chi phái Giu-đa' và 'một Chiên Con như đã bị giết'. Khải Huyền 5:5, 6. Những biểu tượng này tượng trưng cho sự kết hợp giữa sự toàn năng và tình yêu tự hy sinh. Sự tử của Giu-đa, thật đáng sợ đối với những kẻ khước từ ân điển của Ngài, sẽ là Chiên Con của Đức Chúa Trời đối với những người vâng phục và trung tín. Công vụ các Sứ đồ, 589.

Sự tỏ hiện của Đấng Christ như Sự Tử của chi phái Giu-đa nhấn mạnh công việc của Ngài trong cả việc đóng ấn lẫn mở ấn các lời tiên tri Kinh Thánh, theo thời điểm thiêng liêng Ngài ấn định. Ngay trước khi thời kỳ ân điển của loài người khép lại, khi "thì giờ đã gần rồi" sẽ có sự mở ấn một lễ thật Kinh Thánh đặc biệt để chỉ ra "những điều sắp phải xảy đến cách mau chóng."

Sự mặc khải của Đức Chúa Jesus Christ, điều Đức Chúa Trời đã ban cho Ngài để tỏ cho các đầy tớ Ngài những việc phải sớm xảy đến; Ngài đã sai thiên sứ của Ngài để bày tỏ điều ấy cho đầy tớ Ngài là Giảng. Người đã làm chứng về lời Đức Chúa Trời, về lời chứng của Đức Chúa Jesus Christ, và về mọi điều ông đã thấy. Phước cho người đọc, và những ai nghe những lời tiên tri này, và giữ những điều đã chép trong đó; vì thì giờ đã gần. Khải Huyền 1:1-3.

Khi “thì giờ” “đã gần” thực sự đi vào lịch sử, có một phước lành được tuyên cho những ai đọc, nghe “và giữ những điều đã chép trong đó”. Thông điệp đặc biệt ấy là một thông điệp gắn với thời điểm, chỉ có thể nhận ra khi “thì giờ đã gần”. Bây giờ—chính vào lúc ấy, chứ không phải trước đó—người ta mới có thể đọc, nghe “và giữ những điều đã chép” trong sách Khải Huyền. Khi “thì giờ đã gần”, phước lành được tuyên cho những ai “đọc”, “nghe” “và giữ những điều đã chép trong đó” tương ứng với việc sách Đa-ni-ên được mở ra vào “thời kỳ cuối cùng”.

Còn người, hỡi Đa-ni-ên, hãy giữ kín các lời này và niêm phong quyển sách cho đến thời kỳ cuối cùng; nhiều người sẽ đi qua đi lại, và tri thức sẽ gia tăng. Đa-ni-ên 12:4.

“Nhiều người” đang “chạy qua chạy lại” (tượng trưng cho việc nghiên cứu Lời Đức Chúa Trời) làm như vậy vào “thời kỳ cuối cùng” khi “những lời” đã bị “đóng kín” trong “sách” của Đa-ni-ên được tháo niêm phong. Nhưng có một nhóm trinh nữ khác chạy qua chạy lại ngay sau Luật Chủ nhật tại Hoa Kỳ.

Kìa, những ngày đến, Chúa Giê-hô-va phán: Ta sẽ sai nạn đói đến trong xứ — không phải đói bánh, cũng chẳng khát nước, nhưng là thiếu vắng việc được nghe lời của Đức Giê-hô-va. Chúng sẽ lang thang từ biển này đến biển kia, từ phương bắc cho đến phương đông, chạy tới chạy lui để tìm lời Đức Giê-hô-va, nhưng sẽ không tìm được. Trong ngày ấy, các trinh nữ xinh đẹp và các thanh niên sẽ mòn mỏi vì khát. Những kẻ thề bởi tội lỗi của Sa-ma-ri và nói: Hỡi Đan, thần ngươi còn sống! và: Đường lối của Bê-e-sê-ba còn sống! — chính những kẻ ấy sẽ ngã xuống và chẳng bao giờ chỗi dậy nữa. A-môt 8:11-14.

Tội lỗi của Samaria là tội lỗi do Ahab và Jezebel tiêu biểu; Ahab tượng trưng cho Hoa Kỳ và Jezebel cho Giáo hội Công giáo. Jezebel, Ahab và các tiên tri giả trong cuộc đối đầu với Elijah trên núi Carmel tiêu biểu cho luật Chủ nhật. Trong cuộc đối đầu đó có hai nhóm tiên tri không thánh thiện: các tiên tri của Baal và các tư tế của lùm cây. Baal là một trong những thần được thờ phượng; thần còn lại được thờ trong các lùm cây là Ashtaroth. Baal là một thần nam và Ashtaroth là một thần nữ. Gộp lại, vị thần nam tượng trưng cho nhà nước và vị thần nữ cho giáo hội.

Vị thần được dựng lập tại Đan là do vua đầu tiên của Sa-ma-ri, Giê-rô-bô-am, lập nên; ông đã dựng một con bò con bằng vàng ở cả Bê-tên và Đan. Bê-tên có nghĩa là nhà của Đức Chúa Trời và Đan có nghĩa là sự phán xét; kết hợp lại, chúng tượng trưng cho sự kết hợp giữa giáo hội và nhà nước, điều diễn ra tại Hoa Kỳ trước khi việc ép buộc giữ ngày Chủ nhật được thi hành. Hai con bò con bằng vàng ấy được tượng trưng bởi con bò con bằng vàng của A-rôn.

Một con bê là một con thú và một tượng vàng là một hình tượng, nên con bê vàng của A-rôn và cả hai con bê vàng của Giê-rô-bô-am tượng trưng cho sự kết hợp giữa giáo hội và nhà nước diễn ra ngay trước khi việc thi hành luật ngày Chủ nhật tại Hoa Kỳ. Trong trường hợp của Giê-rô-bô-am, hai thành cung cấp một lời chứng thứ hai cho biểu tượng về sự kết hợp giữa giáo hội và nhà nước, điều mà trong sách Khải Huyền được định nghĩa là hình tượng của con thú.

Ý nghĩa của “Beersheba” biểu trưng cho giao ước của Áp-ra-ham. Lần đầu tiên tên “Beersheba” được nhắc đến là trong Sáng thế ký chương hai mươi mốt; đó là một đoạn Kinh Thánh mà sứ đồ Phao-lô đã dùng để phản bác những người thời ông cho rằng phải giữ các luật lệ nghi lễ và phép cắt bì thì mới được cứu. Phao-lô dùng chính đoạn có lần nhắc đến Beersheba đầu tiên. Ông vận dụng lịch sử đó để đề cập đến hai giao ước khác nhau và đối nghịch nhau trong cùng một câu chuyện. Phao-lô dùng con trai của nữ tỳ (Ishmael) để biểu trưng cho một giao ước dựa trên sức lực con người, và đối chiếu Ishmael với Isaac, người mà ông dùng để biểu trưng cho một giao ước dựa trên quyền năng của Đức Chúa Trời. Đoạn Kinh Thánh này là lần đầu tiên Beersheba được nhắc đến; và về sau trong lịch sử, Phao-lô vận dụng lịch sử đó để mô tả một tình huống trong lịch sử cá nhân của mình đã được minh họa trong lịch sử Kinh Thánh. Phao-lô tin và dạy rằng lịch sử Kinh Thánh lặp lại.

Mặc dù Paul sử dụng đoạn này từ Sáng thế ký 21 để minh họa hai giao ước đối nghịch, trong chính đoạn ấy có hai giao ước mà Đức Chúa Trời lập với Abraham, nhưng đó không phải là hai giao ước mà Paul rút ra từ câu chuyện. Trong đoạn này, Đức Chúa Trời một lần nữa hứa sẽ thực hiện lời hứa khiến Abraham trở thành cha của nhiều dân tộc qua Isaac, và Ngài cũng hứa rằng Ngài sẽ khiến Ishmael trở thành cha của một dân tộc lớn. Một đoạn Kinh Thánh, bốn giao ước được nhắc đến, và đây là lần đầu tiên Beersheba được nhắc đến trong Kinh Thánh.

Vì vậy, bà nói với Abraham: Hãy đuổi người nữ tỳ này cùng con của nàng đi; vì con của nữ tỳ ấy sẽ không cùng làm người thừa kế với con ta, tức là Isaac. Điều ấy làm Abraham rất buồn trong mắt ông vì có con mình. Đức Chúa Trời phán với Abraham: Đừng để điều đó làm người buồn phiền vì đứa trẻ và vì nữ tỳ của người; mọi điều Sarah nói với người, hãy nghe theo tiếng nàng; vì bởi Isaac mà dòng dõi người sẽ được gọi. Ta cũng sẽ làm cho con trai của nữ tỳ ấy thành một dân tộc, vì nó là dòng dõi của người. Sáng sớm, Abraham dậy, lấy bánh và một bầu nước, trao cho Hagar, để lên vai nàng, và trao cả đứa trẻ cho nàng, rồi cho nàng đi; nàng ra đi và lang thang trong hoang mạc Beersheba. Sáng thế ký 21:10-14.

Bê-e-sê-ba tượng trưng cho giao ước của Áp-ra-ham. Ngay trong cùng chương đó, Áp-ra-ham cũng lập một giao ước với A-bi-mê-léc.

Lúc bấy giờ, Abimelech và Phichol, tổng chỉ huy quân đội của ông, nói với Abraham rằng: Đức Chúa Trời ở với ông trong mọi việc ông làm. Vậy bây giờ, xin thề với tôi tại đây trước mặt Đức Chúa Trời rằng ông sẽ không lừa dối tôi, cũng không lừa dối con trai tôi, cũng không lừa dối cháu nội tôi; nhưng theo lòng nhân hậu mà tôi đã đối đãi với ông, thì ông hãy đối đãi với tôi và với xứ nơi ông đã tạm trú. Abraham nói: Tôi sẽ thề.

Và Abraham khiển trách Abimelech về việc một cái giếng nước mà các đầy tớ của Abimelech đã dùng bạo lực chiếm đoạt. Abimelech nói: Tôi không biết ai đã làm điều này; ông cũng chẳng nói với tôi, và tôi cũng chưa hề nghe về việc ấy, cho đến hôm nay.

Và Abraham lấy chiên và bò, trao chúng cho Abimelech; và cả hai đã lập một giao ước. Và Abraham để riêng ra bảy con chiên con cái trong bảy. Và Abimelech nói với Abraham: Bảy con chiên con cái mà ông đã để riêng ra đó có ý nghĩa gì?

Ông nói: Hãy nhận từ tay ta bảy con chiên cái non này, để chúng làm chứng cho ta rằng ta đã đào cái giếng này. Vì vậy, ông đặt tên nơi ấy là Beersheba, vì tại đó cả hai người đã thề. Thế là họ lập giao ước tại Beersheba; rồi Abimelech đứng dậy, cùng Phichol, tổng chỉ huy đạo binh của ông, và họ trở về đất của người Philistine. Abraham trồng một lùm cây tại Beersheba, và tại đó ông kêu cầu danh Chúa, Đức Chúa Trời hằng hữu.

Và Áp-ra-ham kêu nộ trong xứ người Phi-li-tin nhiều ngày. Sáng Thế Ký 21:22-34.

Beersheba là biểu tượng của giao ước của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham. Trong Kinh Thánh có một số câu chuyện lịch sử về giao ước được ghi lại, liên kết Beersheba với giao ước của Áp-ra-ham. “Beer” nghĩa là “giếng” và “sheba” nghĩa là “bảy.” “Sheba” là cùng một từ tiếng Hê-bơ-ro được dịch là “bảy lần”; William Miller đã hiểu đúng rằng cụm từ này tượng trưng cho lời tiên tri hai nghìn năm trăm hai mươi năm trong Lê-vi Ký đoạn hai mươi sáu. Đó là “lời tiên tri về thời kỳ” đầu tiên ông khám phá, và cũng là lẽ thật nền tảng đầu tiên bị gạt bỏ vào năm 1863. Trong

đoạn Kinh Thánh nơi từ “sheba” được dịch là “bảy lần” ở bốn câu khác nhau, hình phạt của Đức Chúa Trời được biểu thị bởi “bảy lần” được gọi là “mối tranh chấp của giao ước ta.”

Vậy Ta cũng sẽ nghịch lại các ngươi và sẽ phạt các ngươi thêm bảy lần vì tội lỗi của các ngươi. Ta sẽ đem gươm đến trên các ngươi để báo thù việc phá vỡ giao ước của Ta; và khi các ngươi nhóm lại trong các thành của mình, Ta sẽ sai dịch bệnh ở giữa các ngươi; và các ngươi sẽ bị phó vào tay kẻ thù. Lê-vi Ký 26:24, 25.

Từ được dịch là 'bảy lần' và biểu thị 'sự tranh chấp' của giao ước của Đức Chúa Trời trong sách Leviticus, đoạn hai mươi sáu, tức là 'sheba' trong từ Beersheba, cũng được dịch hai lần trong sách Daniel: một lần là 'lời thề' được chép trong luật pháp của Moses và một lần là 'lời nguyện'. Cả 'lời thề' và 'lời nguyện' đều được dịch từ từ 'sheba', vì nó không chỉ có nghĩa là 'bảy' mà còn bao hàm khái niệm về một giao ước hay 'lời thề' mà nếu bị phá vỡ sẽ gây ra một 'lời nguyện'.

Phải, cả Y-sơ-ra-ên đều đã phạm luật pháp của Ngài, đã quay lưng lia bỏ, không vâng theo tiếng Ngài; vì vậy sự rửa sả đã đổ trên chúng con, và lời thề đã chép trong luật pháp của Môi-se, tôi tớ của Đức Chúa Trời, vì chúng con đã phạm tội cùng Ngài. Đa-ni-ên 9:11.

Từ "sheba", hay "bảy", vốn chỉ bảy con chiên được dâng tại một cái giếng ở Beersheba, tượng trưng cho giao ước. Và giao ước của Đức Chúa Trời, hay lời thề của Ngài, nói rằng người vâng lời thì sống, còn kẻ bất tuân thì chết.

Beersheba biểu trưng cho giao ước được biểu hiện bởi đức tin của Abraham. Vì vậy, khi những "trinh nữ xinh đẹp" trong Amos tám, cũng chính là những "trinh nữ khờ dại" trong Matthew hai mươi lăm, cũng chính là những "kẻ ác" trong Daniel mười hai, thề "bởi tội lỗi của Samaria", thì họ đang thề trung thành với dấu ấn của Jezebel (chế độ giáo hoàng), kẻ đã phạm gian dâm với Ahab (Liên Hợp Quốc) và cai trị trên hình tượng của con thú (Hoa Kỳ).

Khi chính những "trinh nữ xinh đẹp" ấy nói "Thần của ngươi, hỡi Đan, hằng sống", thì họ đang cúi lạy hình tượng con bê bằng vàng như hai nhân chứng (Aaron và Jeroboam) đã chỉ ra. Con bê bằng vàng tượng trưng cho hình tượng con thú, tức sự kết hợp giữa giáo hội và nhà nước.

Khi chính những trinh nữ ấy tuyên bố rằng “manner” của Beersheba “liveth,” thì từ “manner” có nghĩa là “way.” Đó chính là cùng một từ được dùng để chỉ các “ways” của các “old paths” trong Jeremiah 6:16. Những trinh nữ ấy đang nói rằng, mặc dù họ đã cúi lạy hình tượng của con thú và chấp nhận dấu của quyền bính nó, họ vẫn là con cái của Abraham. Họ cuống cuống chạy ngược chạy xuôi trong Lời Đức Chúa Trời để tìm sứ điệp được biểu trưng bởi “east” và “north” và từ “sea to sea,” và vẫn tự xưng là tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm ngày Thứ Bảy, nhưng đã quá muộn.

Nhưng tin tức từ phương đông và phương bắc sẽ làm vua ấy bối rối; vì thế vua sẽ xuất quân trong cơn thịnh nộ lớn để hủy diệt và tru diệt nhiều người. Vua sẽ dựng các trại cung điện của mình giữa các biển, trên núi thánh vinh hiển; nhưng rồi vua sẽ đến ngày tận số, và chẳng ai giúp đỡ. Đa-ni-ên 11:44, 45.

Những trinh nữ ấy đang tìm kiếm sứ điệp của hai câu trước đó. Sứ điệp cảnh cáo cuối cùng đã được mở ấn vào thời kỳ cuối cùng năm 1989, khi, như được mô tả trong Đa-ni-ên đoạn mười một, câu bốn mươi, các “quốc gia” đại diện cho Liên Xô cũ bị giáo quyền La Mã và Hoa Kỳ quét sạch, qua

đó xác định sự trỗi dậy và sụp đổ cuối cùng của chế độ giáo hoàng. Trong hai câu này, một sứ điệp được biểu tượng bởi phương đông và phương bắc khiến vua phương bắc (giáo hoàng) nổi giận, và cuộc bách hại cuối cùng bắt đầu, và nó kết thúc ở câu bốn mươi lăm khi chế độ giáo hoàng dựng các “đền tạm” — từ này xuất phát từ tiếng Hê-bơ-rơ nghĩa là “lều” (lều là biểu tượng của một hội thánh) — nhưng đó là “đền tạm” của “cung điện” nó, tượng trưng cho một nhà nước. Nơi nó đặt cái lều tượng trưng cho sự kết hợp giữa giáo hội và nhà nước, hay như Giăng gọi trong sách Khải Huyền, ảnh tượng của con thú, là “giữa các biển”, ở dạng số nhiều. Các trinh nữ đẹp đẽ đang tìm kiếm sứ điệp cảnh cáo cuối cùng được biểu tượng trong các câu bốn mươi bốn và bốn mươi lăm của Đa-ni-ên đoạn mười một, và ngay câu tiếp theo Mi-ca-ên đứng dậy và thời kỳ ân điển khép lại. Và vào lúc ấy A-mốt 8:14 nói rằng các trinh nữ đẹp đẽ “sẽ ngã xuống, và không bao giờ đứng dậy nữa.”

Khi các trinh nữ trong sách tự xưng là người Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy ngay lúc họ đang cúi lạy hình tượng của con thú, họ được Giăng mô tả là những kẻ nói mình là người Do Thái nhưng không phải. Họ tự nhận là con cháu Áp-ra-ham, nhưng họ nói dối.

Này, Ta sẽ khiến những kẻ thuộc về hội đường của Sa-tan, những kẻ nói mình là người Do Thái mà không phải, nhưng nói dối; này, Ta sẽ khiến chúng đến và thờ lạy trước chân người, và biết rằng Ta đã yêu người. Khải Huyền 3:9.

Họ đã chấp nhận dấu của chế độ giáo hoàng và vì thế đã chấp nhận bản chất của nó. Họ tự xưng là người Do Thái, hoặc tự xưng là tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm giữ ngày Sa-bát, nhưng rồi họ lại mang bản chất của giáo hoàng, người mà, ngoài những điều khác, ngồi "trong đền thờ của Đức Chúa Trời." Họ tự xưng là người Cơ Đốc Phục Lâm, hoặc tự xưng là ở trong đền thờ Phục Lâm, nhưng họ chẳng phải là người Phục Lâm hơn gì giáo hoàng là Cơ Đốc nhân.

Những kẻ chạy “xuôi ngược” tìm kiếm “Lời của Chúa” không phải là “những người khôn ngoan” được nói đến trong sách Đa-ni-ên, nhưng họ được gọi là “trinh nữ”. Rõ ràng những người đang lang thang, đói lả và chết khát trong các câu ấy không “hiểu” “Lời của Chúa”, vì chính điều đó họ đang tìm kiếm trong các câu ấy. Lời của Chúa được bày tỏ ngay trước khi thời kỳ ân điển khép lại chính là Sự tỏ ra của Chúa Giê-xu Christ, và những kẻ đại dốt, gian ác, hay các “trinh nữ đoan trang”, là những người đã không hiểu sự gia tăng hiểu biết từ sách Đa-ni-ên. Họ đã không có đầu cần thiết để theo vào tiệc cưới như sách Ma-thi-ơ dạy.

“Nạn đói” ấy chính là lúc cửa ân điển đóng lại. Những “trinh nữ” của A-mốt đang tìm bánh (Lời Đức Chúa Trời) và nước (Đức Thánh Linh) trong các câu ấy chính là những “kẻ ác” của Đa-ni-ên, tức những kẻ không “hiểu”. Họ là các trinh nữ đại trong Ma-thi-ơ, những người đang tìm kiếm Đức Thánh Linh; và như vậy, với ba chứng nhân, điều này chỉ ra những kẻ nhận ra rằng cơ hội chuẩn bị cho lễ cưới đã qua và họ không có y phục để vào dự tiệc cưới, vì họ đã từ chối “nghe” sứ điệp đặc biệt hiện đang được mở ấn. Kể từ khi sứ điệp đặc biệt được mở ấn cho đến khi cửa ân điển đóng lại là thời kỳ của lời kêu gọi cứu rỗi sau cùng. Đến thời điểm ấy mà không chuẩn bị là tự chuẩn bị để nghe lời: “Quá muộn!”

"Có một thế giới đang nằm trong gian ác, trong lừa dối và mê muội, ngay dưới bóng của sự chết—ngủ say, ngủ say. Ai đang cảm thấy nổi quẫn quại trong linh hồn để đánh thức họ? Tiếng

nói nào có thể chạm tới họ? Tâm trí tôi được đưa đến tương lai, khi tín hiệu sẽ được phát ra. 'Kìa, Chàng rẽ đến; hãy đi ra đón Ngài.' Nhưng có người sẽ trì hoãn việc lấy dầu để châm thêm cho đèn mình, và rồi quá muộn họ mới nhận ra rằng tính cách, điều được tượng trưng bởi dầu, không thể chuyển giao." Review and Herald, ngày 11 tháng 2 năm 1896.

Mạch tiên tri được minh họa qua dụ ngôn mười trinh nữ dùng dầu để tượng trưng cho phẩm cách, nhưng "dầu vàng" và "dầu thánh" cũng tượng trưng cho các sứ điệp của "Thần của Đức Chúa Trời."

Những người được xúc dầu đứng bên Chúa của toàn cõi đất có địa vị từng được ban cho Sa-tan như một chê-ru-bim che phủ. Qua các hữu thể thánh vây quanh Ngài, Chúa duy trì sự liên lạc thường xuyên với cư dân trên đất. Dầu vàng tượng trưng cho ân điển, nhờ đó Đức Chúa Trời giữ cho những ngọn đèn của người tin luôn được cung ứng, để chúng không chập chờn rồi tắt. Nếu không vì dầu thánh này được tuôn đổ từ trời trong các sứ điệp của Thánh Linh Đức Chúa Trời, thì các thế lực của sự ác sẽ nắm trọn quyền kiểm soát loài người.

Đức Chúa Trời bị xúc phạm khi chúng ta không tiếp nhận những thông điệp mà Ngài gửi cho chúng ta. Như vậy, chúng ta khước từ dầu vàng mà Ngài muốn đổ vào linh hồn chúng ta để truyền đến cho những người ở trong bóng tối. Khi tiếng gọi vang lên: "Kìa, chàng rẽ đến; hãy ra đón Ngài," những ai chưa nhận dầu thánh, chưa trân quý ân điển của Đấng Christ trong lòng mình, sẽ thấy, như những trinh nữ dại, rằng họ không sẵn sàng để gặp Chúa mình. Tự họ không có năng lực để có được dầu ấy, và đời sống họ bị hủy hoại. Nhưng nếu chúng ta xin Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời, nếu chúng ta nài xin như Môi-se: "Xin cho con thấy vinh quang của Ngài," thì tình yêu của Đức Chúa Trời sẽ tuôn tràn trong lòng chúng ta. Qua những ống dẫn bằng vàng, dầu vàng sẽ được chuyển đến cho chúng ta. "Không phải bởi quyền thế, cũng không phải bởi sức mạnh, nhưng bởi Thánh Linh Ta, Đức Giê-hô-va Vạn Quân phán." Khi tiếp nhận những tia sáng rực rỡ từ Mặt Trời Công Chính, con cái Đức Chúa Trời tỏa sáng như những đèn soi trong thế gian. Review and Herald, ngày 20 tháng 7 năm 1897.

Những kẻ "chạy tới chạy lui" trong sách A-mốt góp phần vào lời chứng để nhận diện nhóm người Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy khước từ trách nhiệm của mình là "hiểu" sứ điệp đặc biệt từ sách Khải Huyền, sứ điệp được mở ấn khi "thì giờ đã gần".

Chúng ta hiện đang sống trong một thời kỳ hết sức hiểm nguy, và không ai trong chúng ta nên chậm trễ trong việc tìm kiếm sự chuẩn bị cho sự tái lâm của Đấng Christ. Đừng ai noi gương các trinh nữ dại dột và nghĩ rằng sẽ an toàn nếu đợi cho đến khi khủng hoảng ập đến rồi mới rèn luyện phẩm cách để đứng vững trong lúc ấy. Sẽ là quá muộn để tìm kiếm sự công chính của Đấng Christ khi các khách được mời vào và được xét duyệt. Hiện nay là lúc mặc lấy sự công chính của Đấng Christ — chiếc áo cưới sẽ khiến bạn xứng hợp để bước vào tiệc cưới của Chiên Con. Trong ẩn dụ, các trinh nữ dại được mô tả là nài xin dầu, nhưng không nhận được theo lời xin của họ. Điều này tượng trưng cho những kẻ đã không tự chuẩn bị bằng cách phát triển một phẩm cách đủ để đứng vững trong thời khủng hoảng. Như thể họ đi đến hàng xóm và nói: Hãy cho tôi phẩm cách của anh/chi, nếu không tôi sẽ bị hư mất. Những người khôn không thể truyền dầu của mình cho những ngọn đèn chập chờn của các trinh nữ dại. Phẩm cách không thể chuyển giao. Nó không thể mua hay bán; nó phải được rèn luyện. Chúa đã ban cho mỗi cá nhân cơ hội để đạt được một phẩm cách công chính trong thì giờ thử luyện; nhưng Ngài không

hệ định liệu một phương cách nào để một người có thể truyền cho người khác phẩm cách mà người ấy đã hình thành qua những kinh nghiệm gian khó, qua việc học các bài học từ Vị Thầy vĩ đại, để có thể bày tỏ sự kiên nhẫn dưới thử thách và thực hành đức tin đến mức có thể dòi đi những ngọn núi của điều bất khả. Không thể truyền cho người khác hương thơm của tình yêu — ban cho người khác sự dịu dàng, tế nhị và kiên trì. Không một tấm lòng nào của con người có thể rót vào lòng người khác tình yêu dành cho Đức Chúa Trời và nhân loại.

Nhưng ngày ấy đang đến, và đã gần kề chúng ta, khi mọi khía cạnh của phẩm cách sẽ được bày tỏ qua những cám dỗ đặc biệt. Những ai vẫn trung thành với nguyên tắc, giữ vững đức tin cho đến cuối cùng, sẽ là những người đã tỏ ra trung tín qua thử thách và hoạn nạn trong những giờ đã qua của thời kỳ ân huệ của họ, và đã hình thành phẩm cách theo hình ảnh của Đấng Christ. Ấy là những người đã vun trồng mối tương giao thân mật với Đấng Christ, là những người, nhờ sự khôn ngoan và ân điển của Ngài, được dự phần bản tính thiêng liêng. Nhưng không một con người nào có thể trao cho người khác lòng tận hiến và những phẩm chất cao quý của tâm trí, và bù đắp những thiếu hụt của người ấy bằng năng lực đạo đức. Mỗi chúng ta có thể làm được nhiều điều cho nhau bằng cách nêu cho người ta một tấm gương giống như Đấng Christ, nhờ đó dẫn dắt họ đến với Đấng Christ để nhận lấy sự công chính mà nếu không có, họ không thể đứng vững trong cuộc phán xét. Con người nên cầu nguyện mà suy xét vấn đề quan trọng của việc xây dựng phẩm cách, và khuôn đúc phẩm cách của mình theo mẫu mực thiêng liêng. Tạp chí The Youth's Instructor, ngày 16 tháng 1 năm 1896.